

**CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ANA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ANA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108938761

**3. Ngày thành lập:** 14/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 8b , ngõ 43 , phố Tư Đình, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906355638

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                  | 1629     |
| 2.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                             | 3100     |
| 3.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>chi tiết: Lắp đặt thiết bị công nghiệp và thiết bị công trình; | 3320     |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                         | 4101     |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                   | 4102     |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                             | 4211     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                              | 4212     |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                                                                  | 4221     |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                       | 4222     |
| 10. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                        | 4223     |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                         | 4229     |
| 12. | Xây dựng công trình thủy                                                                                  | 4291     |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                           | 4292     |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                     | 4293     |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                | 4299     |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                    | 4311     |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                         | 4312     |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                     | 4321     |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                     | 4322     |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                            | 4329     |

|     |                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                             | 4390 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                              | 4649 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                         | 4663 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                            | 4752 |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                         | 4759 |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết :<br>-Khách sạn<br>-Biệt thự , Nhà liên kế hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>-Nhà khách , nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 28. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                              | 5590 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 29. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn lập báo cáo đầu tư , dự án đầu tư , hồ sơ mời thầu , tổng mức đầu tư , tổng dự toán , dự toán ;</li> <li>- Phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu ;</li> <li>- Thẩm tra , thẩm định báo cáo đầu tư , dự án đầu tư , thiết kế kỹ thuật , bản vẽ thi công , tổng mức đầu tư , tổng dự toán , dự toán , hồ sơ mời thầu công trình xây dựng .</li> <li>- Lập dự án về bồi thường , tái định canh , định cư các dự án đầu tư xây dựng .</li> <li>- Tư vấn , quản lý dự án .</li> <li>- Tư vấn đấu thầu .</li> <li>- Khảo sát địa chất công trình.</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình .</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp.</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông .</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn .</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật .</li> <li>- Thiết kế cơ - điện công trình.</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình .</li> <li>- Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy .</li> <li>- Tư vấn chuyển giao công nghệ về phòng cháy chữa cháy , tư vấn thẩm định về phòng cháy chữa cháy.</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng – công</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông.</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật .</li> <li>- Giám sát công tác hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy .</li> <li>- Đo vẽ bản đồ địa hình , địa chính .</li> </ul> | 7110(Chính) |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7410        |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7730        |
| 32. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8121        |
| 33. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8129        |
| 34. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:****8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CÔNG TẤN  | Chi Lăng, Xã Quang Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 4.000      | 40.000.000            | 2,000     | 034093009685                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 4.000      | 40.000.000            | 2,000     |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN CÔNG THẢO | Chi Lăng, Xã Quang Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 98.000     | 980.000.000           | 49,000    | 151695148                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 98.000     | 980.000.000           | 49,000    |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM THÙY TRANG  | 64/158, Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 98.000     | 980.000.000           | 49,000    | 024193000126                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 98.000     | 980.000.000           | 49,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG THẢO

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/08/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151695148*

Ngày cấp: *24/07/2013*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Chi Lãng, Xã Quang Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *số 8b , ngõ 43 , phố Tư Đình, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*